

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-ST

Ngày: 16-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 76/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn L1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp X, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L2, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1947; Nơi cư trú: Ấp Y, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Văn L1, trình bày: Vào năm 2017, anh có cho bà Nguyễn Thị L2 vay 11 chỉ vàng 24 kara vàng 9^T8, không có làm giấy tờ, có thỏa thuận lãi bằng miệng 01 chỉ tháng 300.000 đồng, bà L2 đóng cho anh được một tháng lãi là 3.300.000 đồng. Trong năm 2019, anh không nhớ ngày tháng, bà L2 có trả gốc cho anh được 05 phân vàng, và năm 2020 trả thêm được 01 chỉ vàng. Từ đó, bà L2 hứa từ từ trả cho đến nay chưa trả 09 chỉ 05 phân vàng còn lại cho anh, nay anh khởi kiện yêu cầu bà L2 trả 09 chỉ 05 phân vàng 24 kara 9^T8 còn lại, anh không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L2 trình bày: Bà có vay của anh Lê Văn L1 11 chỉ vàng 24 kara không biết vàng gì, vay không có làm giấy tờ chỉ có bà và anh L1 biết, có thỏa thuận lãi, đóng lãi 03 năm mỗi tháng 3.300.000 đồng nhưng bà không nhớ ngày tháng năm. Bà có trả vàng gốc cho anh L1 mỗi tháng được 05 phân vàng, trả được 15 tháng là 07 chỉ 05 phân vàng, khi trả không nhớ ngày tháng năm và còn nợ lại 03 chỉ 05 phân vàng, nay bà chỉ đồng ý trả 03 chỉ 05 phân vàng còn lại, không thống nhất trả 09 chỉ 05 phân vàng theo yêu cầu của anh L1.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn L1, buộc bà Nguyễn Thị L2 trả số vàng còn nợ là 09 chỉ 05 phân vàng 24 kara 9^T8.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:* Anh Lê Văn L1 khởi kiện bà Nguyễn Thị L2 trả số vàng đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài

sản, bị đơn bà Nguyễn Thị L2 đang cư trú tại ấp 3, xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn L1, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn bà Nguyễn Thị L2 đều thừa nhận có vay của anh L1 11 chỉ vàng. Tuy nhiên, bà L2 cho rằng đã trả được cho anh L1 07 chỉ 05 phân vàng và chỉ còn nợ 03 chỉ 05 phân vàng nhưng việc này không được anh L1 thừa nhận, mà anh chỉ thừa nhận có trả được 01 chỉ 05 phân vàng và bà L2 không có chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến của mình. Vì vậy, việc khởi kiện của anh L1 là có căn cứ, còn bà L2 không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh L1, buộc bà L2 trả cho anh L1 số vàng còn nợ là 09 chỉ 05 phân vàng 24kara 9^T8.

[3] *Về lãi suất*: Các đương sự không có tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”; tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị L2 thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và anh Lê Văn L1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L1. Buộc bà Nguyễn Thị L2 trả cho anh Lê Văn L1 09 chỉ 05 phân vàng 24kara 9^T8.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị L2 được miễn toàn bộ tiền án phí.

2.2. Anh Lê Văn L1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 1.140.000 (một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004064 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng